

**UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	97-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi	97-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Thực hiện Tốt	Thực hiện Tốt

Hóc Môn, ngày 01 tháng 9 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiền

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	418	0	21	40	74	138	145
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	418	0	21	40	74	138	145
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	418	0	21	40	74	138	145
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	418	0	21	40	74	138	145
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	418	0	21	40	74	138	145
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	418	0	21	40	74	138	145
1	Số trẻ cân nặng bình thường	351	0	20	36	65	113	117
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	19	0	0	1	5	10	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	404	0	20	39	70	132	143
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	14	0	1	1	4	6	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	48	0	1	3	4	15	25
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	418	0	21	40	74	138	145
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	61	0	21	40			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	357	0			74	138	145

Hóc Môn, ngày 01 tháng 9 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiền

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	
II	Loại phòng học	12	34.8 trẻ/lớp
1	Phòng học kiên cố	12	34.8 trẻ/lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4907m ²	11.73 m ² /1trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2581m ²	6.17 m ² /1trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	864m ²	2.05 m ² /1trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	864m ²	2.05 m ² /1trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	240m ²	0.57 m ² /1trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	186m ²	0.44 m ² /1trẻ
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	70m ²	0.16 m ² /1trẻ
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	70m ²	0.16 m ² /1trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	142m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	12	1 bộ/lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	Sử dụng chung
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	21	
1	Máy vi tính	12	1 bộ/lớp
2	Máy chiếu	01	Sử dụng chung
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	12	1 cái /lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2m ² /1phòng		20m ² /1phòng		0.57m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Hóc Môn, ngày 01 tháng 9 năm 2019
Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiến

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	43			20	6	6	11							
I	Giáo viên	25													
1	Nhà trẻ	5			3		2		4		1				
2	Mẫu giáo	20			13	5	2		6	12	2				
II	Cán bộ quản lý	3			3						3				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	15			1	1	2	11							
1	Nhân viên văn thư	1						1							
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	11					1	10							

Hóc Môn, ngày 01 tháng 9 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Thị Kim Tiền